

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 27/02 /2019

V/ v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Quế.

- Ông Bằng Công Hiệp.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X3, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2019/QĐXX-PT ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị A, sinh năm 1984.

HKTT: Xóm X1, xã X2, huyện X3, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1985.

HKTT: Xóm Y1, xã Y2, huyện X3, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Anh Ngô Văn B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Lưu Thị A trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Văn B vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X2, huyện X3, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm Y1, xã Y2, huyện X3, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng giữa năm 2009 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân xuất phát từ việc anh B mãi chơi, không tu chí làm ăn, ham mê cờ bạc dẫn tới nợ nần nhiều rồi chị A phải vay mượn tiền để trả nợ, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tới năm 2012 do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên chị đã mang con về bên xóm X1, xã X2 sống cùng bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Trong khoảng thời gian hai vợ chồng sống ly thân, vào năm 2013 chị đã gửi đơn xin ly hôn với anh B tới Tòa án, nhưng sau đó do anh B không đồng ý và mong chị cho một cơ hội để vợ chồng làm lại từ đầu nên chị đã đồng ý rút đơn. Nhưng sau đó anh B vẫn chứng nào tật đó, không tu chí làm ăn, không quan tâm tới vợ con, không có trách nhiệm với gia đình và còn có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác. Tuy nhiên, khi chị có ý định ly hôn anh B lại không đồng ý, tìm cách gây khó khăn, áp lực để chị từ bỏ ý định ly hôn. Quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án, anh B luôn nói còn tình cảm với vợ, thương con, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, không muốn ly hôn, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh về thời gian để hàn gắn với vợ. Tuy nhiên, khi về anh B lại không có hành động nào thể hiện mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, ngược lại còn tìm mọi cách để gây sự, nhả tin đe dọa chị khiến cho tinh thần của chị bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chị xác định hiện nay cuộc hôn nhân của chị và anh B đã lâm vào tình trạng quá trầm trọng, không thể quay về để tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 06 năm nay, chị đã tạo nhiều cơ hội cho anh B thay đổi nhưng anh B không những không thay đổi mà càng ngày càng khiến cho cuộc sống của chị mệt mỏi, không ổn định, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên là Ngô Tiến U, sinh ngày 10/8/2008, từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Hiện tại chị có công việc ổn định, có nhà ở do vậy chị xác định đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô Văn B trình bày: Anh và chị A kết hôn và chung sống như chị A trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, từ khi kết hôn tới năm 2012 mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi vã. Giữa năm 2012 chị A đã chuyển về bên nhà bố mẹ đẻ ở xóm X1, xã X2 sinh sống, sau đó chị A đã làm đơn ly hôn gửi lên tòa nhưng anh không đồng ý ly hôn. Sau khi chị A rút đơn ly hôn chị A cũng không về bên nhà anh sống, anh sống một nơi, chị A sống một nơi, tuy nhiên anh vẫn đi lại thăm nom và chăm sóc con chung. Từ năm 2012 cho đến nay do hai bên chưa

có tiếng nói chung, anh muốn cả hai bên có thời gian và cơ hội để suy nghĩ nên vợ chồng vẫn duy trì việc sống ly thân mỗi người ở một nơi. Thời gian vợ chồng anh sống ly thân anh không có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác như chị A trình bày. Bản thân anh từ giữa năm 2017 đến nay cũng đã chủ động xuống nói chuyện với gia đình chị A để hòa giải, tìm cách hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng chưa thành. Anh cũng không có nhiều cơ hội để nói chuyện trực tiếp với chị A, một phần do chị A đi làm từ sáng tới đêm, một mặt chị A cũng né tránh, không muốn nói chuyện với anh, anh nhắn tin mong muốn hàn gắn với chị A nhưng chị A không nhắn tin trả lời. Trong số những tin nhắn anh nhắn cho chị A đúng là có một số tin nhắn anh có nói về những vụ án giết người xảy ra thời điểm gần đây như vụ án ở huyện Phú Bình, nhưng theo cách hiểu của anh đó không phải đe dọa, hay gây áp lực gì, anh chỉ nhắn tin nói chuyện chứ không có ý đe dọa hay gây áp lực cho chị A như chị A nghĩ. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn nhiều tình cảm với chị A, xác định vợ chồng vẫn có thể tiếp tục chung sống lâu dài với nhau, ngoài ra con của anh chị hiện đang học cuối cấp nên anh không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con, do vậy anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp nếu chị A vì con mà rút đơn nhưng không muốn về chung sống với anh, vẫn muốn duy trì quan hệ hôn nhân ly thân như 6 năm vừa rồi.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên là Ngô Tiến U, sinh ngày 10/8/2008. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh muốn nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho tới khi con thành niên, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X3, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Lưu Thị A, cho chị Lưu Thị A được ly hôn với anh Ngô Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Tiến U, sinh ngày 10/8/2008 cho chị Lưu Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới

khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ngô Văn B do chị Lưu Thị A chưa có yêu cầu.

Anh Ngô Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Lưu Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016028 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X3, tỉnh Thái Nguyên. Chị Lưu Thị A đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/12/2018 anh Ngô Văn B có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn. Anh cho rằng Tòa án nhân dân huyện X3, tỉnh Thái Nguyên xét xử không công khai, xử vắng mặt anh là không đúng, tình trạng ly hôn của anh chưa đến mức nghiêm trọng để cho ly hôn, con anh cần có một gia đình. Anh B kháng cáo mong được đoàn tụ với chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ngô Văn B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh B làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Việc anh B kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt anh là không đúng, không công khai là không có căn cứ. Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho bị đơn anh Ngô Văn B hai lần mà anh B không có mặt tại phiên tòa nên căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định của pháp luật.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh B Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh B chị A xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên dẫn đến việc từ năm 2012 chị A đã chuyển về sống

với bố mẹ đẻ. Hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian ly thân anh B không quan tâm đến vợ con, trong hồ sơ thể hiện anh B có nhiều tin nhắn gửi cho chị A làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị. Mâu thuẫn giữa anh B và chị A ngày càng trầm trọng mà cả hai bên không có hướng để khắc phục, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể duy trì, có tiếp tục cả hai bên đều không hạnh phúc. Anh B kháng cáo mong muốn được đoàn tụ nhưng anh B không đưa ra được căn cứ cho việc kháng cáo của mình, xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Tiến U, sinh ngày 10/8/2008 hiện đang ở cùng chị A từ năm 2012 cho đến nay. Xét thấy chị A hiện nay có công việc thu nhập ổn định, có nhà ở đảm bảo đủ điều kiện sinh hoạt cho cháu U. Cháu U ở cùng mẹ cũng sẽ được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cẩn thận hơn. Tại phiên hòa giải ở cấp sơ thẩm thể hiện bản thân cháu U có nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn vì từ nhỏ cháu đã sống cùng với mẹ. Do đó để bảo đảm cho cháu U về mọi mặt xét thấy cần giao cháu Ngô Tiến U cho chị Lưu Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Về mức cấp dưỡng do chị A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Anh Ngô Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Ngô Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của anh Ngô Văn B, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X3, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị A được ly hôn anh Ngô Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Tiến U, sinh ngày 10/8/2008 cho chị Lưu Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến

khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

Anh Ngô Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị A và anh B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị A đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016028 ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X3, tỉnh Thái Nguyên. Anh Ngô Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận anh B đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016189 ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X3, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện X3;
- THADS huyện X3;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thuận